

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Minh Thu.
2. Bà Phan Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Thuật – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

** Bị đơn:* Bà Âu Thị X, sinh năm 1979.

Địa chỉ: phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:*

Tôi và chị Âu Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 12/01/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống và làm việc tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc.

Năm 2003, tôi chuyển công tác lên thành phố B trước, sau đó bà X cũng chuyển công tác lên và sống cùng. Quá trình chung sống bà X không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đi sớm về muộn và có quan hệ ngoại tình với nhiều người đàn ông khác. Tôi đã 02 lần gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng do bà X hứa sửa chữa nên tôi đã rút đơn, nhưng sau đó bà X vẫn không sửa đổi mặc dù tôi và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên răn, giữa hai vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát. Hiện nay, tôi nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà X, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng từ tháng 9 năm 2017 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, việc ai người ấy làm, tôi không muốn các con phải chứng kiến cuộc sống không hạnh phúc của chúng tôi nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà X.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tôi và bà X có hai con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 03/9/2000 và Nguyễn Tú Q, sinh ngày 13/3/2009 hiện nay các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục một trong hai con cho đến khi 18 tuổi, bà X có thể lựa chọn nuôi một trong hai con, tôi sẽ nhất trí nuôi con còn lại. Nếu bà X đồng ý nhường quyền nuôi các con cho tôi thì tôi nhất trí nuôi cả hai con. Trường hợp tôi và bà X không thỏa thuận được về con chung tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Âu Thị X trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 12/01/2000. Từ sau khi kết hôn đến nay cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và không có chuyện tôi không chung thủy, không quan tâm chăm sóc gia đình như ông T trình bày. Giữa tôi và ông T đã 02 lần xảy ra xô xát. Nay tôi xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm và không nhất trí ly hôn với ông T vì không mong muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Tôi và ông T có hai con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 03/9/2000 và Nguyễn Tú Q, sinh ngày 13/3/2009 hiện nay các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn tôi có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai con cho đến khi 18 tuổi và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về vay nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa ngày 13/11/2017 bà X đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phần thủ tục hỏi phiên tòa ngày 30/11/2017 bà X thay đổi yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung là 01 căn nhà ba tầng và quyền sử dụng đất tại tổ 11, phường S, thành phố B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T cho ông Nguyễn Anh T được ly hôn với bà Âu Thị X. Giao con chung Nguyễn Tuấn M cho bà X, giao con chung Nguyễn Tú Q cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Do ông T và bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà X, ông T và X tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa ngày 13/11/2017 bà X đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phần thủ tục hỏi phiên tòa ngày 30/11/2017 bà X thay đổi yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung là 01 căn nhà ba tầng và quyền sử dụng đất tại tổ 11, phường S, thành phố B.

Xét yêu cầu của bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244 và khoản 6 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự thấy yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quá thời hạn đưa ra yêu cầu. Do vậy, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bà X có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng trong một vụ án khác.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T và bà Âu Thị X đã đăng ký kết hôn ngày 12/01/2000 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân là hợp pháp.

Ông T cho rằng sau khi kết hôn mấy năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó ông phát hiện vợ mình có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã nhiều lần xô xát, ông đã 2 lần gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng do bà X hứa sửa đổi nên ông đã rút đơn, nhưng sau đó bà X vẫn không chịu sửa đổi như đã hứa. Nay ông khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với bà X, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng từ tháng 9 năm 2017 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, việc ai người ấy làm, ông không muốn các con phải chứng kiến cuộc sống không hạnh phúc của bố mẹ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Bà X cho rằng từ sau khi kết hôn đến nay cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, bà vẫn quan tâm chăm sóc chồng con và không có chuyện bà không chung thủy như ông T trình bày. Giữa ông bà đã 02 lần xảy ra xô xát. Nay bà nhận thấy giữa hai vợ chồng vẫn còn tình cảm và không nhất trí ly hôn với ông T vì không mong muốn gia đình tan vỡ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà X kết quả xác minh cho thấy giữa ông T và bà X không thể chung sống hạnh phúc được.

Như vậy, có cơ sở khẳng định giữa ông T và bà X không còn tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà X.

* Về con chung: Ông T và bà X có hai con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 03/9/2000 và Nguyễn Tú Q, sinh ngày 13/3/2009 hiện nay các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 01 trong hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu Q có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử xét nguyện vọng của các bên thấy: Ông T và bà X đều là cán bộ công chức, có mức lương và thời gian, tính chất công việc ổn định, cả hai đều đủ có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay ông T đang sống cùng mẹ đẻ nên có người giúp việc chăm sóc con hàng ngày. Bà X cũng thừa quá trình chung sống mẹ đẻ ông T đã phụ giúp ông bà chăm sóc các con rất chu đáo. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, dựa trên cơ sở nguyện vọng của ông T, bà X và các con Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung Nguyễn Tú Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Tuấn M cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông T và bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết, yêu cầu chia tài sản của bà X không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Ông T và X tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T. Ông Nguyễn Anh T được ly hôn với bà Âu Thị X.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 03/9/2000 cho bà Âu Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung Nguyễn Tú Q, sinh ngày 13/3/2009 cho ông Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông T và bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông T và bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông T và X tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông T và X tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 05377 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố;
- Đường sự;
- UBND xã thị trấn C,
huyện C (nơi ĐKKH);
- Chi cục THAND thành phố;
- TATND tỉnh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương

